

BỘ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6212 /TM-VP**

V/v: *Chương trình Ưu đãi Hội nhập
ASEAN (AISP)*

Hà Nội, ngày **21** tháng 12 năm 2005

Kính gửi: - Các Bộ/Ngành Trung ương
- Ủy ban Nhân dân các Tỉnh, Thành phố

Tại các công văn số 5944/TM-VP ngày 6/12/2005, số 4552/TM-VP ngày 21/9/2005, số 3177/TM-VP ngày 01/07/2005, số 3903/TM-VP ngày 13/08/2004 và số 2138/TM-ĐB ngày 12/5/2004, Bộ Thương mại đã phổ biến Chương trình Ưu đãi Hội nhập ASEAN (AISP) kèm theo các danh mục mặt hàng và quy định về điều kiện hưởng ưu đãi của các nước Indônêxia, Malaixia và Thái Lan.

Vừa qua Thái Lan đã thông báo bổ sung danh mục sản phẩm được hưởng ưu đãi AISP cho Việt Nam, bao gồm 36 dòng thuế HS 8 số. Toàn bộ các sản phẩm được bổ sung này đều có thuế suất ưu đãi AISP 0%. Các quy định về điều kiện hưởng ưu đãi không thay đổi.

Bộ Thương mại xin gửi kèm theo công văn này Danh mục các sản phẩm bổ sung nêu trên và kính đề nghị các Bộ, Ngành và Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Thành phố tiếp tục phổ biến đến các doanh nghiệp trực thuộc để sử dụng có hiệu quả các ưu đãi này.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, ĐB

T/L. BỘ TRƯỞNG
HÀNH VĂN PHÒNG



NGUYỄN THÀNH BIÊN

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI HỘI NHẬP ASEAN (AISP) CỦA THÁI LAN DÀNH CHO VIỆT NAM

(Bản dịch không chính thức)

Kèm theo công văn số 6242 /TM-VP ngày 21/12/2005

STT	Mã hàng	Mô tả hàng	Thuế suất CEPT (%)	Thuế suất ASEAN (%)
1	0303.43.00	-- Cá ngừ vằn hoặc bụng có sọc	0	0
2	1005.10.00	- Ngô giống	5	0
3	1202.10.90	-- Loại khác	5	0
4	1202.20.00	- Lạc nhân, đã hoặc chưa vỡ mảnh	5	0
5	2102.10.10	-- Men bánh mỳ	5	0
6	2102.10.90	-- Loại khác	5	0
7	2922.41.00	-- Lysin và este của nó; muối của chúng	0	0
8	3305.10.10	-- Dầu gội đầu trị nấm	5	0
9	3305.10.90	-- Loại khác	5	0
10	3306.10.10	- - Dạng kem và bột để ngăn ngừa các bệnh về răng	5	0
11	3306.10.90	-- Loại khác	5	0
12	3808.30.11	--- Không ở dạng bình xịt	0	0
13	3808.30.19	--- Loại khác	0	0
14	3808.30.20	-- Thuốc diệt cỏ, chưa đóng gói để bán lẻ	0	0
15	3808.30.30	-- Thuốc chống nảy mầm	0	0
16	3808.30.41	--- Chứa triancontanol hoặc ethephon	0	0
17	3808.30.49	--- Loại khác	0	0
18	3926.90.32	--- Khuôn plastic lấy dấu răng	0	0
19	3926.90.44	--- Đệm cứu sinh để bảo vệ người ngã từ trên cao xuống	0	0
	4101.50.00	- Da sống nguyên con, trọng lượng trên 16 kg		
20		A. Đã thuộc sơ bộ qua phèn (thuộc trắng)	5	0
21		B. Loại thuộc sơ bộ khác	3.75	0
22		C. Loại khác	0	0
	4101.90.00	- Loại khác, kể cả da lưng, 1/2 da lưng và da bụng		
23		A. Đã thuộc sơ bộ qua phèn (thuộc trắng)	5	0
24		B. Loại thuộc sơ bộ khác	3.75	0
25		C. Loại khác	0	0
26	4408.90.10	-- Ván lạng lớp mặt	5	0
27	4408.90.20	- - Gỗ tẻch khác không dùng để sản xuất bút chì	5	0
28	4408.90.90	-- Loại khác	5	0
29	5407.20.10	-- Chưa tẩy trắng	0	0
30	5407.20.90	-- Loại khác	0	0
31	5407.42.00	-- Đã nhuộm	0	0

STT	Mã AHTN	Mô tả hàng hóa	Thuế suất CEPT (%)	Thuế suất AISP (%)
32	5407.52.00	- - Đã nhuộm	0	0
33	5509.53.10	- - - Sợi đơn	0	0
34	5509.53.90	- - - Loại khác	0	0
35	6305.32.10	- - - Từ vải không dệt	0	0
36	6305.32.20	- - - Dệt kim hoặc móc	0	0